| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 42/2018/DS-PT
Ngày 24 - 9 - 2018
*"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Thuý Mai

*Các Thẩm phán*: Ông Trần Văn Chưng

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

***- Thư ký phiên toà***: Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc***: Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (viết tắt A)

Địa chỉ: Phường Đ, quận X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q - Phó Tổng Giám đốc

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Đức S1 - Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Trần Cao S (tên gọi khác: Trần Xuân H), sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (A) người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Đức S1 trình bày:

Ngày 20/10/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Chi nhánh V (gọi tắt là A) đã ký hợp đồng tín dụng (Trung & dài hạn) số: 5114/15/TD/XXI.1 với ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H. Theo đó, ngân hàng chấp thuận cho ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H vay vốn tại ngân hàng với số tiền vay là: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Tái tài trợ xây nhà để ở. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu. Lãi suất vay trong hạn: Theo quy định của A tại thời điểm nhận nợ là 10.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Nợ gốc được hoàn trả định kỳ 01 tháng/ lần/10.000.000đ, trả lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: 5249/15/TC-TT/XXI.1 ngày 20/10/2015 và được công chứng số:1267, quyển số: 01/2015/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/10/2015. Theo đó, ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m$^2$ đất ở thuộc thửa số 407, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 05 tầng tại thôn Đ, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00078/QSDĐ số 84/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 14/01/2009 cho ông Trần Cao S.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngân hàng A đã giải ngân cho ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H vay làm 02 lần, tổng số tiền vay là 1.200.000.000đ ( Một tỷ hai trăm triệu đồng) cụ thể: lần 1 theo giấy nhận nợ số 5114/15.01 ngày 22/10/2015 số tiền: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); lần 2 theo giấy nhận nợ số 5114/15.02 ngày 26/10/2015 số tiền là: 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo đúng hợp đồng. Tính đến hết ngày 23/4/2018 là 572.744.264đ (Năm trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc là: 290.000.000đ, lãi trong hạn là: 279.605.773đ, lãi quá hạn là: 3.138.491đ. Nay ngân hàng A yêu cầu buộc ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H trả nợ cho ngân hàng A tổng số tiền là: 923.531.866đ (chín trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mốt nghìn tám trăm sáu sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 910.000.000đ, lãi trong hạn là: 13.531.866đ và tiếp tục trả lãi suất phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 24/4/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông  S, bà H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng A có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 407 diện tích 100m$^2$ đất ở, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 05 tầng tại thôn Đ, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ của ông S, bà H

với Ngân hàng thì ông S, bà H phải tiếp tục trả hết các khoản nợ cho ngân hàng A.

*Bị đơn là ông Trần Cao S trình bày*: Ông thừa nhận vợ chồng ông có ký kết hợp đồng tín dụng trung & dài hạn số: 5114/15/TD/XXI.1 ngày 20/10/2015 để vay ngân hàng A chi nhánh Vĩnh Phúc tổng số tiền là 1.200.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng, mục đích vay: sửa chữa nhà để ở, lãi suất: 10,5%/ năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/ lần. Tính đến ngày 25/01/2018 vợ chồng ông đã trả nợ cho ngân hàng A số tiền: 497.743.934đ, trong đó: nợ gốc là: 245.000.000đ, lãi trong hạn là: 250.354.072đ, lãi quá hạn là: 2.389.872đ. Số tiền vợ chồng ông còn nợ ngân hàng A tính đến ngày 25/01/2018 là: 972.407.230đ, trong đó nợ tiền gốc là: 955.000.000đ, lãi trong hạn là: 17.364.855đ, lãi quá hạn là: 42.375đ. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông thanh toán trả nợ số tiền trên ông nhất trí thanh toán.

Bà Vũ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án biết việc ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện vợ chồng ông bà về việc vay nợ nhưng bà không đến làm việc.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A với bị đơn ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H.

Buộc ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 23/4/2018 là: 923.531.866đ (Chín trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mốt nghìn tám trăm sáu sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 910.000.000đ, lãi trong hạn là: 13.531.866đ. Kể từ ngày 24/4/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) tiếp tục áp dụng mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 5114/15/TD/XXI.1 ngày 20/10/2015 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông S bà H đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán đủ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông S, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân

hàng A là: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 5249/15/TC-TT/XXI.1 ngày 20/10/2015 là quyền sử dụng 100m$^2$ đất ở thuộc thửa số 407, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 05 tầng tại thôn Đ, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00078/QSDĐ số 84/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 14/01/2009 cho ông Trần Cao S.

Về án phí: Buộc ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 39.706.000đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền: 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001325 ngày 02/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 602/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, trong phần nội dụng vụ án và phần quyết định của Bản án chưa thống nhất về việc áp dụng lãi suất kể từ ngày xét xử cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, sửa bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ xác định Ngân hàng A cho ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H vay vốn tại ngân hàng với số tiền vay là: 1.200.000.000đ. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 5249/15/TC-TT/XXI.1 ngày 20/10/2015 là quyền sử dụng 100m$^2$ đất ở thuộc thửa số 407, tờ

bản đồ số 45 và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 05 tầng tại thôn Đ, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00078/QSDĐ số 84/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 14/01/2009 cho ông Trần Cao S. Tổng trị giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là: 1.912.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Sơn, bà Hương đã trả được tổng số tiền tính đến ngày 23/4/2018 là: 572.744.264đ trong đó: nợ gốc là: 290.000.000đ, lãi trong hạn là: 279.605.773đ, lãi quá hạn là: 3.138.491đ. Số tiền vợ chồng ông S, bà H còn nợ ngân hàng A tính đến ngày 23/4/2018 là: 923.531.866đ trong đó nợ tiền gốc là: 910.000.000đ, lãi trong hạn là: 13.531.866đ. Do ông S, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng A đã khởi kiện .

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ, xem xét tại chỗ đối với đất dùng thế chấp và xác định  vợ chồng ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H phải trả các khoản tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 23/4/2018 theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Cần buộc vợ chồng ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 923.531.866đ (Chín trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mốt nghìn tám trăm sáu sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 910.000.000đ, lãi trong hạn là: 13.531.866đ là có căn cứ.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhận thấy cấp sơ thẩm không quyết định nguyên đơn có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, không tuyên trong trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông S, bà H phải tiếp tục trả nợ là chưa giải quyết yêu cầu khởi kiện. Mặt khác quá trình giải quyết vụ kiện Ngân hàng A yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 24/4/2018 cho đến khi trả hết khoản nợ nhưng bản án sơ thẩm lại ghi nhận nội dung nguyên đơn trình bày yêu cầu lãi suất quá hạn là chưa chính xác nên cần xem xét lại.

Như vậy kháng nghị là có căn cứ, sai sót của cấp sơ thẩm đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn do vậy cần sửa án sơ thẩm, bổ sung nội dung phần quyết định của bản án là: Trường hợp nếu ông S, bà H không thanh toán được khoản nợ trên Ngân hàng A có quyền đề nghị xử lý phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m$^2$ đất ở thuộc thửa số 407, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 05 tầng tại thôn Đ, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 532336, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H00078/QSDĐ số 84/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 14/01/2009 cho ông Trần Cao S.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông S, bà H phải tiếp tục trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh trên nợ gốc

theo hợp đồng tín dụng số: 5114/15/TD/XXI.1 ngày 20/10/2015 và các giấy nhận nợ cho đến khi trả hết khoản nợ bằng nguồn thu và các tài sản khác.

[3] Về án phí: Ông S, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt A) với bị đơn ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H.

2. Buộc ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 23/4/2018 là: 923.531.866đ (Chín trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mốt nghìn tám trăm sáu sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 910.000.000đ, lãi trong hạn là: 13.531.866đ

Trường hợp nếu ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A (A) có quyền đề nghị xử lý phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m$^2$ đất ở thuộc thửa số 407, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 05 tầng tại thôn Đ, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 532336, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H00078/QSDĐ/ số 84/QĐ- UBND do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 14/01/2009 cho ông Trần Cao S.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông S, bà H phải tiếp tục trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số: 5114/15/TD/XXI.1 ngày 20/10/2015 và các giấy nhận nợ đối với Ngân hàng cho đến khi trả hết khoản nợ bằng nguồn thu và các tài sản khác.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Cao S và bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 39.706.000đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền: 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001325 ngày 02/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Phạm Thị Thuý Mai**